

# LUẬT BIỂN CANADA VÀ XU HƯỚNG QUẢN LÝ BIỂN HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI

THS. HỒ NHÂN ÁI \*

## 1. Luật biển của Canada

Canada là một quốc gia lớn về biển và có hệ thống pháp luật khá tiêu biểu về quản lý biển. Đây cũng là một trong những quốc gia đầu tiên ban hành đạo luật tổng quát về biển - Luật biển Canada trên cơ sở Công ước luật biển năm 1982. Luật biển Canada được Nghị viện Canada thông qua ngày 18/12/1996 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 31/01/1997.<sup>(1)</sup> Luật biển có hiệu lực, đi vào cuộc sống thì "Canada đã trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới có hệ thống pháp luật toàn diện về quản lý biển".<sup>(2)</sup> Đạo luật đã trao cho Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương quyền lãnh đạo việc phát triển chiến lược quốc gia về quản lý biển theo những nguyên tắc đã định trong Luật biển bao gồm: Nguyên tắc phát triển bền vững, nguyên tắc cân trọng (hay phòng ngừa) và nguyên tắc quản lý tổng hợp.

Về cơ bản, Luật biển Canada là đạo luật toàn diện, đã quy định khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh cho việc quản lý biển hiện đại. Cụ thể, Luật biển Canada được cơ cấu thành 3 phần: Phần I: Các vùng biển của Canada; Phần II: Chiến lược quản lý biển; Phần III: Quyền hạn, nghĩa vụ và chức năng của các bộ trưởng liên quan.

Phần I Luật biển Canada chủ yếu xác định các vùng biển của Canada cùng với các quy chế pháp lý của chúng theo những nguyên tắc của Công ước Luật biển năm 1982. Theo đó, đạo luật khẳng định các vùng

biển của Canada bao gồm: Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế, và vùng thềm lục địa theo những tiêu chí về nguyên tắc, chiều rộng mà Công ước năm 1982 đã quy định. Chẳng hạn như vùng nội thủy:

*"Vùng nội thủy của Canada là những vùng nước nằm phía trong đường cơ sở về phía bờ dùng để tính chiều rộng lãnh hải của Canada".<sup>(3)</sup>*

Về chiều rộng của các vùng biển, Luật biển Canada quy định:

*"Vùng lãnh hải của Canada là vùng biển có giới hạn phía trong là đường cơ sở và giới hạn phía ngoài là đường nối những điểm cách đường cơ sở một khoảng là 12 hải lý".<sup>(4)</sup>*

Hoặc như vùng tiếp giáp:

*"Vùng tiếp giáp của Canada là vùng biển có giới hạn phía bên trong là vùng lãnh hải của Canada và có giới hạn bên ngoài là đường nối những điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Canada và cách đường cơ sở một khoảng là 24 hải lý, nhưng không bao gồm vùng biển thuộc lãnh hải hoặc thuộc chủ quyền của quốc gia khác".<sup>(5)</sup>*

Vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa cũng được Luật biển Canada xác định tuân

\* Giảng viên Khoa luật  
Trường đại học khoa học Huế

theo những nguyên tắc của Công ước luật biển năm 1982: “*Vùng đặc quyền kinh tế của Canada bao gồm vùng biển ra xa từ phía bờ, tiếp liền với vùng lãnh hải của Canada và có giới hạn phía ngoài là đường nối các điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của Canada và cách đường cơ sở một khoảng là 200 hải lí*”.<sup>(6)</sup>

Các tiêu chí 12, 24 hoặc 200 hải lí dùng để xác định các vùng biển trong những trường hợp thông thường. Còn ở những vùng biển liền kề hoặc đối diện với lãnh thổ hoặc vùng biển của quốc gia khác mà chiều rộng nhỏ hơn 24 hoặc 200 hải lí thì việc xác định chiều rộng các vùng biển phải theo những nguyên tắc khác.<sup>(7)</sup> Việc Canada tuân theo những tiêu chí của Công ước luật biển năm 1982 trong xác định các vùng biển khi chưa trở thành thành viên chính thức của Công ước không phải là ngoại lệ. Đây là thực tiễn mà nhiều quốc gia khác đã thực hiện trong thời gian chuẩn bị phê chuẩn Công ước. Điều này xuất phát từ việc Công ước luật biển năm 1982 đã tạo cơ hội cho quốc gia có biển quyền xác định các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và tài phán đảm bảo các lợi ích quốc gia về an ninh, kinh tế xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết khác để phê chuẩn và thực hiện Công ước luật biển năm 1982, nhiều quốc gia đã tranh thủ ban hành những văn bản pháp lí để xác định các vùng biển của mình theo các nguyên tắc của Công ước.<sup>(8)</sup>

Ngoài ra, phần I của Luật biển Canada cũng có những quy định về quy chế pháp lí

của các vùng biển, quyền hạn của một số cơ quan nhà nước về biển như: Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương; Bộ trưởng Bộ ngoại giao; Bộ trưởng Bộ tư pháp. Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật của liên bang và pháp luật của các bang cũng như thẩm quyền của toà án cũng được xác định tại phần I của Luật biển Canada.

Phần II Luật biển Canada chủ yếu tập trung vào vấn đề xây dựng một chiến lược quản lí biển ở tầm quốc gia nhằm nâng cao quản lí bền vững các vùng biển Canada. Đạo luật quy định Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương là người có quyền lãnh đạo quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược biển Canada trong mối quan hệ hợp tác với các chủ thể liên quan khác:

*“Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương, trong mối quan hệ hợp tác với các bộ, ban ngành liên quan khác của Chính phủ Canada, với chính phủ các bang và vùng lãnh thổ và các tổ chức bản địa, các cộng đồng ven biển và tổ chức cá nhân liên quan khác, bao gồm cả các tổ chức hình thành trong các thoả thuận về yêu sách đất đai, sẽ lãnh đạo và hỗ trợ phát triển và tổ chức thực hiện một chiến lược quốc gia về quản lí các hệ sinh thái của sông, hệ sinh thái ven biển và đại dương ở những vùng nước thuộc một phần lãnh thổ của Canada hoặc ở nơi mà Canada có quyền chủ quyền theo luật pháp quốc tế”*.<sup>(9)</sup>

Theo quy định định hướng của Luật biển Canada, chiến lược biển quốc gia Canada phải có tính bao trùm, toàn diện, tạo khung pháp lí chính sách cho việc quản lí biển hiện

đại cũng như cung cấp những hướng dẫn nhằm khắc phục những khiếm khuyết mà phương pháp quản lý đơn ngành (sector-based approach) mắc phải. Đạo luật nhấn mạnh sự hợp tác, hỗ trợ giữa các chủ thể liên quan trong quản lý biển mà đứng đầu là Bộ thủy sản và đại dương với vai trò điều phối, tập hợp lực lượng, tận dụng thế mạnh của nhiều chủ thể liên quan khác nhau. Việc quy định một cơ quan đầu mối trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược biển là điều cần thiết. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ cơ quan này phải nằm ở cấp nào mới xứng đáng với tầm vóc và dễ dàng cho công việc? Việc Luật biển Canada quy định Bộ thủy sản và đại dương Canada là cơ quan đầu mối là một điểm chưa hợp lý và thực tế đã chứng minh có nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược biển Canada.

Một vấn đề cũng khá quan trọng khác của phần II Luật biển Canada là những quy định về việc phát triển các chương trình quản lý biển cụ thể trong Chiến lược biển của Canada. Cụ thể, đạo luật đã đưa ra ba hình thức chương trình có thể xây dựng và phát triển đó là: (1) Xây dựng các khu bảo tồn biển; (2) Chương trình chất lượng môi trường biển và (3) Các chương trình quản lý biển tổng hợp. Các hình thức chương trình này được xem là công cụ chủ đạo trong việc thực thi các mục tiêu của chính sách biển quốc gia, đó là: hiểu biết và bảo vệ môi trường biển; hỗ trợ các cơ hội kinh tế bền vững và chứng tỏ vị thế đi đầu trên thế giới trong quản lý biển.

Phần III Luật biển Canada quy định về quyền, nghĩa vụ và chức năng của Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương trong vấn đề quản lý các vùng biển của Canada. Theo đó, với tư cách là người đứng đầu cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm về các vấn đề về quản lý biển, Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương Canada có quyền hạn và nghĩa vụ tương đối rộng:

*“Với tư cách là bộ trưởng phụ trách về biển, quyền lực, nghĩa vụ và chức năng của Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương được mở rộng đến và bao gồm tất cả các vấn đề mà Nghị viện có thẩm quyền liên quan đến chính sách và chương trình biển, những vấn đề mà luật pháp Canada không quy định thẩm quyền cho các ban, ngành hoặc cơ quan khác của Chính phủ”.*<sup>(10)</sup>

Bên cạnh đó, đạo luật cũng quy định quyền lực, trách nhiệm và chức năng của Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương Canada ở các lĩnh vực cụ thể như: Cảnh sát biển; khoa học biển kể cả việc nghiên cứu khoa học biển của tàu thuyền nước ngoài; quyết định về thu lệ phí sử dụng biển và các lĩnh vực khác.

Nhìn chung, Luật biển Canada là đạo luật tương đối toàn diện, tạo khung pháp lý chung cho hoạt động quản lý sử dụng biển ở Canada. Điểm quan trọng thứ nhất mà đạo luật mang lại là đã xác định một cách cơ bản các vùng biển của Canada theo những nguyên tắc của Công ước luật biển năm 1982, tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý biển và giải quyết các vấn đề về lãnh thổ, biên giới giữa Canada với các quốc gia láng giềng. Thứ hai, Luật biển Canada đã làm hình thành

nên cơ chế quản lý biển của Canada. Cơ chế này là cơ chế quản lý tổng hợp dựa trên sự hợp tác, hỗ trợ của các ngành, các chủ thể liên quan kể cả cộng đồng người dân ven biển và người bản địa. Cuối cùng, Luật biển Canada cũng đã đưa ra được cơ sở pháp lý, định hướng cho việc xây dựng chiến lược biển toàn diện ở tầm quốc gia. Chiến lược này được xem là chính sách biển quốc gia của Canada dựa trên những nguyên tắc đã định trong Luật biển.

Việc xây dựng đạo luật về biển để tiến tới hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật biển của Canada là một trong những xu hướng quản lý biển hiện nay trên thế giới. Bên cạnh đó, trên thế giới còn có một số xu hướng khác trong quản lý đại dương.

## **2. Xu hướng quản lý biển hiện nay trên thế giới**

Từ khi Công ước luật biển năm 1982 và Tuyên bố Rio năm 1992 ra đời, thế giới ngày càng quan tâm nhiều đến biển, quản lý biển và phát triển bền vững. Cùng với sự quan tâm đó, các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia ven biển đã vận động theo hướng nội luật hoá các quy định quốc tế vào pháp luật quốc gia để nâng cao hiệu quả quản lý biển theo hướng bền vững. Trong số đó, những xu hướng quản lý biển phổ biến được nhìn nhận như sau:

*a. Xây dựng luật pháp quốc gia để khẳng định chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển của mình phù hợp với Công ước luật biển năm 1982*

Với sự ra đời của Công ước luật biển năm 1982, các quốc gia ven biển có quyền

mở rộng các vùng biển của mình ra xa hơn trước, đặc biệt là đối với các vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Các vùng biển này đã đem lại cho các quốc gia ven biển nhiều lợi ích trong sử dụng và khai thác nhưng đồng thời cũng đưa lại những thách thức trong việc quản lý, bảo tồn. Chính vì vậy, trên cơ sở Công ước luật biển năm 1982, các quốc gia đã xây dựng luật pháp quốc gia để xác định các vùng biển và chế độ pháp lý. Trong số đó có thể nhìn nhận những trường hợp như Trung Quốc với Luật về đường cơ sở và lãnh hải hay Bangladesh với Luật vùng ven bờ. Một số quốc gia khác thì lựa chọn hình thức ban hành văn bản dưới luật để khẳng định các vùng biển của mình như Việt Nam với hai tuyên bố: Tuyên bố năm 1977 về các vùng biển và Tuyên bố năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. Bên cạnh đó, có quốc gia ban hành một đạo luật toàn diện về biển ngay cả trước khi trở thành thành viên chính thức của Công ước luật biển năm 1982 như trường hợp của Canada. Canada ban hành luật biển của mình năm 1996 trong nỗ lực xác định các vùng biển của mình và hướng đến quản lý các vùng biển theo hướng tổng hợp và bền vững. Tuy vậy, mặc dù tham gia tất cả các hội nghị của Liên hợp quốc về luật biển và trực tiếp kí Công ước Luật biển năm 1982 cùng với các quốc gia khác, Canada chỉ mới phê chuẩn Công ước này năm 2003.<sup>(11)</sup>

*b. Xu hướng tăng cường dựa vào “luật mềm” trong quản lý biển như tuyên bố của các hội nghị quốc tế, các hướng dẫn và bộ luật ứng xử.<sup>(12)</sup>*

Từ Hội nghị Stockholm về môi trường

con người năm 1972, cộng đồng thế giới đã dần dựa vào “luật mềm” (soft law) trong quản lý và bảo vệ môi trường. Rõ ràng, Tuyên bố năm 1972 về môi trường con người là điểm khởi đầu của xu thế này. Tiếp sau đó, cộng đồng thế giới đã chứng kiến sự ra đời của nhiều “luật mềm” khác như: Tuyên bố Rio về môi trường và phát triển; Chương trình nghị sự 21; Chương trình hành động của Hội nghị Johannesburg năm 2002.

Về vấn đề quản lý tổng hợp biển mà cá biệt là vùng ven bờ, chúng ta cũng đã chứng kiến sự ra đời của Bản hướng dẫn Noordwij - sản phẩm của Hội nghị quốc tế về bờ biển diễn ra ở Hà Lan.<sup>(13)</sup> Bản hướng dẫn cung cấp những gợi ý và chỉ dẫn cho việc hoạch định và thực hiện các chương trình quản lý tổng hợp ven bờ như: Vai trò và trách nhiệm của thể chế với sự nhấn mạnh cơ chế hợp tác giữa các cơ quan; nhu cầu quản lý tổng hợp ven bờ; xây dựng và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp và cơ chế giám sát.<sup>(14)</sup> Một công cụ “luật mềm” khác phải kể đến là Bộ luật ứng xử về thủy sản của tổ chức FAO được xem như là cơ chế để thay đổi cấu trúc của nghề thủy sản.<sup>(15)</sup>

Xem xét Luật biển từ khía cạnh chính trị và chủ quyền, các quốc gia cũng sử dụng “luật mềm” để giải quyết các vấn đề liên quan. Trường hợp biển Đông là một ví dụ. Sau nhiều năm tranh chấp căng thẳng trong điều kiện bế tắc, các quốc gia cũng đã dần chuyển sang sử dụng các công cụ “luật mềm”. Các quốc gia hầu như đã đồng ý với nhau rằng tạm gác lại tranh chấp để tập trung

và quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường ở các vùng biển. Vào tháng 11/2002, trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ tám ở Phnom Penh, các quốc gia ASEAN và Trung Quốc đã kí Tuyên bố về cách ứng xử biển Đông và tiến tới xây dựng một bộ luật ứng xử trên biển Đông.<sup>(16)</sup>

Tất nhiên, các nguyên tắc ghi nhận trong các tuyên bố hay bộ luật ứng xử này không có giá trị bắt buộc về mặt pháp lý, đây chính là bản chất của “luật mềm”. Thay vào đó, các văn bản này chỉ đưa ra những gợi ý, hướng dẫn để khuyến khích các quốc gia thực hiện các cam kết quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý bền vững biển và môi trường. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, các loại “luật mềm” có vẻ phù hợp và có thể linh động bởi vì rất khó áp dụng một chuẩn chung cho tất cả các quốc gia trong quản lý biển. Bằng cách sử dụng các nguyên tắc của “luật mềm”, các quốc gia lựa chọn những nguyên tắc phù hợp để xây dựng pháp luật quốc gia về biển phù hợp với điều kiện của quốc gia mình. Tuy vậy, “luật mềm” cũng có rất nhiều điểm hạn chế. Điểm bất cập lớn nhất là do nó không có giá trị pháp lý bắt buộc, các quốc gia có xu hướng trì hoãn hoặc chậm thực hiện.

*c. Xây dựng và thực hiện chính sách biển toàn diện ở tầm quốc gia*

Đây là xu hướng mới trên thế giới trong quản lý đại dương và vùng ven bờ. Cơ sở của xu hướng này là quan điểm biển là một hệ sinh thái tổng hợp nơi diễn ra nhiều hoạt động sử dụng và quản lý khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau. Chính vì vậy, để quản lý

biển có hiệu quả thì chúng ta cũng cần phải có các chính sách toàn diện, tổng hợp và phải có cơ chế phối hợp hợp lý giữa các cơ quan quản lý liên quan.

Khởi điểm, xu hướng này bắt đầu từ vùng bờ vì nó thực tế và có tính khả thi hơn để xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp ở vùng này. Luật quản lý vùng ven bờ của Hoa Kỳ (Coastal Zone Management Act) năm 1972 có lẽ là một trong những nỗ lực đầu tiên của xu hướng này. Đạo luật đã khuyến khích các tiểu bang trên lãnh thổ Hoa Kỳ nên có trách nhiệm hơn trong quản lý vùng bờ bằng cách thực hiện các chương trình quản lý phù hợp.<sup>(17)</sup> Tiếp theo xu hướng này, hiện tại Trung Quốc cũng đang xây dựng một đạo luật về quản lý vùng ven bờ.<sup>(18)</sup>

Cũng quan tâm đến vùng ven bờ nhưng Bangladesh lại chọn cách đi khác. Họ không ban hành luật mà lại xây dựng chính sách về vùng bờ (Coastal Zone Policy) để quản lý vùng ven bờ của mình.<sup>(19)</sup> Chính sách này đã tạo ra khuôn khổ cho toàn bộ vùng bờ của Bangladesh bằng cách thiết lập các chương trình và hành động cụ thể.

Các trường hợp khác của xu hướng quản lý này là Canada và Australia, hai quốc gia có bờ biển lớn nhất trên thế giới và cũng thành công nhất trong xây dựng và thực hiện quản lý biển hiện đại và bền vững. Mặc dù hai quốc gia này có nhiều điểm tương đồng trong việc phải đối mặt với các vấn đề biển cần quản lý nhưng họ lại chọn cách đi khác nhau. Trong khi Canada xây dựng đạo luật về biển thì Australia lại đi thẳng

xây dựng chính sách biển toàn diện ở tầm quốc gia (Comprehensive National Ocean Policy).<sup>(20)</sup> Australia có lẽ là quốc gia đầu tiên trên thế giới có chính sách biển toàn diện ở tầm quốc gia để quản lý biển.<sup>(21)</sup> Chính sách này đã tạo cơ sở pháp lý để áp dụng các hình thức quản lý biển mới như quản lý tổng hợp (integrated management), quản lý dựa vào hệ sinh thái (ecosystem based management), thiết lập cơ chế hợp tác giữa các cơ quan quản lý và thực hiện các chương trình quản lý đại dương. Trong khi đó, như đã trình bày ở trên, Luật biển Canada đã định hướng xây dựng chính sách biển quốc gia của Canada, và thực tế chính sách này đã được ban hành và triển khai thực hiện dưới cái tên: Chiến lược biển Canada (Canada's Ocean Strategy).<sup>(22)</sup>

Hai chính sách và chiến lược này đã cung cấp các hướng dẫn cũng như khung pháp lý cho quản lý đại dương và vùng ven bờ phù hợp với các nguyên tắc phát triển bền vững và các công ước khác như Công ước luật biển năm 1982, Công ước về đa dạng sinh học. Hiện tại, Canada và Australia đang ở trong giai đoạn thực hiện các chiến lược này với những chương trình quản lý tổng hợp cụ thể đã xác định. Mặc dù vẫn còn nhiều việc phải làm để thực hiện thành công quản lý bền vững các vùng biển của mình nhưng Canada và Australia vẫn có thể được xem là hai quốc gia tiên phong trong việc áp dụng những phương pháp mới, hiện đại trong quản lý đại dương và vùng ven bờ. Chính vì vậy, những kinh nghiệm của họ là quan trọng và hữu ích cho

những quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia có biển và muốn quản lý bền vững các vùng biển của mình./

- (1).Xem: Backgrounder, *Thông tin về Luật biển Canada*. Nguồn: [www.dfo-mpo.gc.ca/media/backgrou/1997/ocean\\_ehtm](http://www.dfo-mpo.gc.ca/media/backgrou/1997/ocean_ehtm).
- (2). Trích lời phát biểu của ông Robert G. Thibault, Bộ trưởng Bộ thủy sản và đại dương Canada trong Chiến lược biển Canada 2002.
- (3).Xem: Điều 6 Luật biển Canada năm 1997.
- (4).Xem: Điều 4 Luật biển Canada năm 1997.
- (5).Xem: Điều 10 Luật biển Canada năm 1997.
- (6).Xem: Điều 13 Luật biển Canada năm 1997.
- (7). Trong trường hợp này, thông thường các quốc gia phải thoả thuận để phân định vùng biển chồng lấn dựa trên các tiêu chí vị trí và hình dạng của bờ biển, tuyến đường hàng hải, sự hiện diện của các đảo, các quyền truyền thống của các quốc gia liên quan trên vùng biển đó.
- (8). Việt Nam cũng là một trường hợp nằm trong số các quốc gia này. Năm 1977, mặc dù chỉ mới bắt đầu tham dự Hội nghị của Liên hợp quốc lần thứ 3 về biển, Việt Nam đã có Tuyên bố ngày 12 tháng 5 về các vùng biển của Việt Nam và sau đó hơn 17 năm Việt Nam mới trở thành thành viên chính thức của Công ước năm 1982. Xem thêm: Farrell E.C.1998, "*Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật biển*", Nxb. Martinus Nijhoff; Nguyễn Hồng Thao, "*Một số vấn đề cơ bản trong xây dựng dự thảo Luật các vùng biển Việt Nam*", Tham luận tại Hội thảo quốc tế: "Chính sách pháp luật về biển và sự phát triển bền vững". Dự án PIP, Hạ Long, Việt Nam 7/2005.
- (9).Xem: Điều 29 Luật biển Canada năm 1997.
- (10).Xem: Khoản 1 Điều 40 Luật biển Canada năm 1997.
- (11). Vào ngày 6/11/2003, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Canada đã kí văn kiện phê chuẩn Công ước luật biển năm 1982. Xem thêm: *Ministry of Foreign Affairs New Release, No 171, November 6*. Nguồn: [http://w01.international.gc.ca/minpub/Publication.asp?FileSpec=/Min\\_Pub\\_Docs/106595.htm](http://w01.international.gc.ca/minpub/Publication.asp?FileSpec=/Min_Pub_Docs/106595.htm)
- (12).Xem thêm: Donald R. Rothwell and David L. VanderZwaag. *Sea change to principled oceans*

*governance* in (David and others, 2006)

- (13).Xem thêm: Susie W. 2002. Where Should the Focus be in Tropical Integrated Coastal Management? *Coastal Management*. Vol. 30, pp. 67-84, 2002.
- (14).Xem thêm: Haward M. and Hildebrand L. P. *Integrated Coastal Zone Management in David and others, 1996*, pp. 143.
- (15).Xem thêm: David J. Doulman. 1998. *The Code of Conduct for Responsible Fisheries: the Requirements for structural Change and Adjustment in the Fisheries Sector*. FAO Fisheries Department. Nguồn: <http://www.fao.org/DOCREP/006/AD364E/AD364E00.HTM>
- (16).Xem thêm: Nguyen Hong Thao, 2003. The 2002 Declaration on the Code of Conduct of Parties in the South China Sea: A note. *Ocean Development and International Law*. 34:279-285, 2003.
- (17).Xem thêm: OHIO Department of Natural Resources. About the Coastal Zone Management Act-Giving the power to states. 2004. Nguồn: <http://www.ohiodnr.com/coastal/about/aboutczma.htm>
- (18).Xem thêm: Maren L. 2003. Coastal Zone Management in the People's Republic of China (PRC)-A unique approach? Working Paper FNU-27, DINAS\_COAST Working Paper 3, pp. 3. Nguồn: [http://www.pik-potsdam.de/DINAS-COAST/Publications/dinascoast\\_wp3\\_lau.pdf](http://www.pik-potsdam.de/DINAS-COAST/Publications/dinascoast_wp3_lau.pdf)
- (19).Xem thêm: Ministry of Water Resources/Government of the People's Republic of Bangladesh. 2005 Coastal Zone Policy. Nguồn: [http://www.bnnrc.net/publication/czpo\\_eng.pdf](http://www.bnnrc.net/publication/czpo_eng.pdf)
- (20).Xem thêm: Environmental Australia/Commonwealth of Australia. 1998. Australia's Ocean Policy. Nguồn: [www.oceans.gov.au/publications\\_policy.jsp](http://www.oceans.gov.au/publications_policy.jsp)
- (21).Xem thêm: BATERMAN S. "Australia's Ocean Policy and the Maritime Community" in Elizabeth F., Haward M. and Scott C. S. *Implementing Integrated Oceans Management: Australia's South East regional marine plan (SERMP) and Canada's Eastern Scotian Shelf Integrated Management (ESSIM) Initiatives*. *Marine Policy*. Vol. 29, pp. 391-405, 2005.
- (22). Xem thêm: Department of Fisheries and Oceans Canada. 2002. Canada's Ocean Strategy. Nguồn: [www.cos-soc.gc.ca/doc/publications\\_e.asp](http://www.cos-soc.gc.ca/doc/publications_e.asp)